

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 10 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2026/DS-ST  
Ngày: 06 - 8 - 2026  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐỒNG NAI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Xuân Thiều

Bà Lương Thị Thu An

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:*  
Ông Nguyễn Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai (Địa chỉ: Khu phố T, phường T, thành phố Đ) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 350/2026/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 297/2026/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976

Thẻ CCCD số xxxxxxxx6641, cấp ngày 10/5/2021, nơi cấp: Cục C về TTXH, Bộ C1.

Địa chỉ: A, A, khu phố P, phường B, TP .

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1998

Giấy ủy quyền công chứng số 00001326/2026/CCGD ngày 01/4/2026 được chứng nhận tại Văn phòng C2 - Địa chỉ: I, H, phường B, TP .

Thẻ CCCD số: xxxxxxxx8188, cấp ngày 26/01/2022, nơi cấp: Cục C về TTXH, Bộ C1.

Địa chỉ: A, A, khu phố P, phường B, TP . Có mặt

- Bị đơn:

1. Ông Trần Tấn T, sinh năm 1975

Thẻ Căn cước công dân số: xxxxxxxx4603, cấp ngày 18/12/2023, nơi cấp: Cục C3 về TTXH – Bộ C1

Địa chỉ: Số I, Huỳnh Văn N, khu phố T, phường C, thành phố Đ.

Có mặt

2. Bà Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1979

Thẻ Căn cước công dân số: xxxxxxxx5007, cấp ngày 12/3/2023, nơi cấp: Cục C3 về TTXH – Bộ C1

Địa chỉ: Số I, Huỳnh Văn N, khu phố T, phường C, thành phố Đ.

Có đơn xin vắng mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2026 và các văn bản có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Nguyễn Hữu K thống nhất trình bày:

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, bà Nguyễn Thị H sử dụng tiền cá nhân cho vợ chồng ông Trần Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu P vay 400.000.000 đồng, thời hạn vay không xác định, khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất theo quy định của pháp luật. Việc vay tiền có lập “Giấy vay tiền ngày 25 tháng 7 năm 2017” được ông Trần Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu P ký xác nhận. Do có nhu cầu sử dụng tiền để sản xuất kinh doanh, ngày 23 tháng 3 năm 2026 bà H có gửi thông báo yêu cầu vợ chồng ông T, bà P hoàn trả cho bà H số tiền gốc 400.000.000 đồng đã vay và tiền lãi phát sinh, thời hạn thanh toán là đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2026. Hết thời hạn như thông báo đã ấn định, vợ chồng ông T, bà P vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Trần Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu P phải liên đới hoàn trả cho bà P số tiền 400.000.000 đồng đã vay vào ngày 25 tháng 7 năm 2017 và lãi suất tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2026 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (tạm tính là 06 tháng), mức lãi là 0.83%/tháng với số tiền 400.000.000 đồng x 06 tháng x 0.83% = 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu, cụ thể là yêu cầu vợ chồng ông Trần Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu P hoàn trả cho bà H số tiền 400.000.000 đồng gốc đã vay, không yêu cầu tính lãi (Xin rút yêu cầu về phần lãi).

Ngoài ra, không còn có yêu cầu nào khác.

- Tại phiên tòa, bị đơn là ông Trần Tấn T trình bày:

Ông Trần Tấn T thừa nhận là vợ chồng ông Trần Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu P có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 400.000.000 đồng, thời gian vay là từ năm 2014 chứ không phải năm 2017 như bà H và đại diện theo ủy quyền của bà H đã trình bày.

Từ năm 2014 đến năm 2017, vợ chồng ông T, bà P đã thanh toán đầy đủ tiền lãi theo các bên thỏa thuận (14.000.000 đồng/400.000.000 đồng/01tháng), đến giữa năm 2017, ông T, bà P làm ăn thua lỗ nên không thanh toán lãi cho bà H và có viết giấy mượn tiền giao cho bà H giữ. Tính đến thời điểm hiện tại, số tiền gốc 400.000.000 đồng thì ông T, bà P vẫn chưa trả được cho bà H.

Bà H khởi kiện yêu cầu ông T, bà P phải liên đới hoàn trả cho bà H số tiền gốc 400.000.000 đồng đã vay theo Giấy mượn tiền lập ngày 25 tháng 7 năm 2017 thì ông T đồng ý trả. Tuy nhiên, do điều kiện gia đình ông T đang gặp khó khăn về kinh tế không trả được một lần theo yêu cầu của bà H nên xin được trả dần, cứ mỗi tháng sẽ

trả từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Nếu bà H không đồng ý, ông T yêu cầu vụ kiện được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về khoản tiền lãi, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà H rút yêu cầu này, ông T không có ý kiến gì và cũng không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Đồng bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Các điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự (BLDS); Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H

Buộc ông Trần Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu P phải liên đới hoàn trả cho bà P số tiền gốc 400.000.000 đồng đã vay vào ngày 25 tháng 7 năm 2017.

Đình chỉ cầu của bà Nguyễn Thị H về việc xin rút yêu cầu tính lãi suất đối với ông T, bà P.

2. Về án phí: Các bên phải chịu theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của đương sự, Kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

1. Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Trần Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu P hoàn trả cho bà H số tiền gốc 400.000.000 đồng đã vay ngày 25 tháng 7 năm 2017, bị đơn Trần Tấn T đồng ý hoàn trả theo yêu cầu của bà H nhưng xin được trả dần, cứ mỗi tháng sẽ trả từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, yêu cầu của đương sự, xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLDS.

2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là ông Trần Tấn T và bà Nguyễn Thị Thu P, cư trú tại khu phố T, phường C, thành phố Đ, theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 10 - Đồng Nai.

3. Về thủ tục tố tụng: Đồng bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu P vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt), áp dụng các điều 227, 228 BLTTDS để đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

4. Yêu cầu của đương sự:

[1] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Trần Tấn T, bà Nguyễn

Thị Thu P liên đới hoàn trả cho bà H là số tiền 400.000.000 đồng còn thiếu lại theo Giấy mượn tiền lập ngày 25 tháng 7 năm 2017.

Xét thấy, tại phiên tòa, ông Trần Tấn T thừa nhận là ngày 25 tháng 7 năm 2017, bà Nguyễn Thị H có cho ông Trần Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu P vay số tiền là 400.000.000 đồng, việc vay tiền được ông Trần Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu P viết Giấy mượn tiền ngày 25/7/2017 với nội dung *“Tôi tên Trần Tấn T – sinh 15-05-1975 vợ là Nguyễn Thị Thu P SN 1979, CM nhân dân số 285353460. CA BP, CMND vợ tôi: 285139566 CA BP, cư ngụ khu phố T thị trấn C huyện C - Tỉnh Bình Phước Có mượn của chị Nguyễn Thị H số CM 280723071, mượn ngày 25/7/2017 số tiền là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) để làm ăn mua bán, để giúp đỡ em út làm ăn, sau khi làm ăn có vốn sẽ hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị H. Vợ chồng tôi cam kết sẽ trả lại cho chị H sau khi làm ăn có vốn. Nếu sai chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật”* (BL số 23, 24). Đây là những tình tiết, sự kiện được các bên thừa nhận, không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 BLTTDS. Ngày 23 tháng 3 năm 2026, bà Nguyễn Thị H thông báo cho ông Trần Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu P đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2026 ông Trần Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu P phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà H số tiền 400.000.000 đồng đã mượn ngày 25 tháng 7 năm 2017. Hết hạn thông báo, ông T và bà P vẫn không trả tiền cho bà H. Như vậy, ngày 31/3/2026, ông T, bà P không thanh toán cho bà H số tiền 400.000.000 đồng theo thông báo của bà H là vi phạm nghĩa vụ đã cam kết. Vì vậy, bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Trần Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu P hoàn trả cho bà H số tiền gốc 400.000.000 đồng còn thiếu lại theo Giấy mượn tiền lập ngày 25 tháng 7 năm 2017 là có căn cứ và được chấp nhận.

Về lãi suất: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị H xin rút yêu cầu yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu ông T, bà P hoàn trả cho bà H số tiền gốc 400.000.000 đồng, bị đơn không có ý kiến và yêu cầu về việc tính lãi. Việc rút yêu cầu này xuất phát từ sự tự nguyện của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu phản tố, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba nên được ghi nhận và đình chỉ xét xử yêu cầu này của bà Nguyễn Thị H.

[2] Ông Trần Tấn T đồng ý hoàn trả số tiền gốc 400.000.000 đồng đã vay theo Giấy mượn tiền lập ngày 25 tháng 7 năm 2017 theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị H và xin được trả dần, cứ mỗi tháng sẽ trả từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Yêu cầu này của ông T là thiếu thiện chí và cố tình dây dưa, chây ì, trốn tránh nghĩa vụ trong việc trả tiền. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên khi tham gia tố tụng, cần buộc ông T, bà P liên đới hoàn trả số tiền 400.000.000 đồng đã vay nói trên cho bà Nguyễn Thị H theo quy định.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Thu P, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với bà Nguyễn Thị Thu P theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng bà Nguyễn Thị Thu P không nộp (gửi) văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài

liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H như đã nhận định tại mục [1].

[3] Đại diện VKSND khu vực 10 - Đồng Nai đề nghị điều luật áp dụng và hướng giải quyết vụ án như trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên bị đơn ông T, bà P phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Áp dụng các điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Trần Tấn T và bà Nguyễn Thị Thu P phải liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 400.000.000 đồng theo giấy mượn tiền lập ngày 25 tháng 7 năm 2017.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc buộc ông Trần Tấn T và bà Nguyễn Thị Thu P phải liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số lãi tương ứng với thời gian chậm thanh toán của số tiền 400.000.000 đồng theo giấy mượn tiền lập ngày 25 tháng 7 năm 2017.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Tấn T và bà Nguyễn Thị Thu P phải liên đới chịu 20.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu, hoàn lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 10.400.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008928 ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ (nay là thành phố Đ).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền phải thi hành, bên phải thi hành chậm trả thi hành thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 34 và 36 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự

4. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Võ Quang Dũng**

